

Bản án số: 54/2022/HS-PT

Ngày: 24/01/2022

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Vũ Thị Thu Hà;

*Các Thẩm phán:* Ông Thái Duy Nhiệm;  
Bà Lê Thị Mai.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Phan Nhật Phong - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa:** Bà Lê Thị Lý - Kiểm sát V1 cao cấp.

Ngày 24 tháng 01 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Y, Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 301/2021/TLPT-HS ngày 09 tháng 4 năm 2021 do có kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Y và kháng cáo của người đại diện hợp pháp của bị cáo Q, bị cáo V1, bị hại, đại diện theo ủy quyền của bị hại đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 01/2021/HS-ST ngày 02 tháng 3 năm 2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Y.

***Bị cáo có kháng cáo, bị kháng cáo:***

**1. Trần Văn Q;** tên gọi khác: Không; sinh ngày 21 tháng 01 năm 2004 tại huyện V, tỉnh Y;

Nơi cư trú: Thôn A, xã M, huyện V, tỉnh Y; nghề nghiệp: Học sinh (Đã nghỉ học từ ngày 07/3/2020); trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn T, sinh năm 1982 và bà Nguyễn Thị N (Nguyễn Thị H), sinh năm 1982; vợ, con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt tạm giữ ngày 12/3/2020, bị tạm giam từ ngày 13/3/2020. Hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Y, có mặt tại phiên tòa;

*Người đại diện hợp pháp của bị cáo đồng thời là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:* Ông Trần Văn T và bà Nguyễn Thị N (Nguyễn Thị H), có mặt;

Địa chỉ: Thôn A, xã M, huyện V, tỉnh Y;

*Người bào chữa của bị cáo Trần Văn Q:* Bà Nguyễn Thị H1 - Trợ giúp V1 pháp lý - Chi nhánh Trợ giúp pháp lý số 1, Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Y; có mặt.

***Bị cáo có kháng cáo, bị kháng cáo, bị kháng nghị:***

**2. Trần Văn V1;** tên gọi khác: Không; sinh ngày 05 tháng 10 năm 1986 tại huyện V, tỉnh Y;

Nơi cư trú: Thôn A, xã M, huyện V, tỉnh Y; nghề nghiệp: Lao động T do; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn D, sinh năm 1960 và bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1959; vợ: Nguyễn Thị H1, sinh năm 1989; có 03 con (Con lớn nhất sinh năm 2009, nhỏ nhất sinh năm 2018) tiền án, tiền sự: Không; đang bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú tại xã M, huyện V, tỉnh Y, có mặt;

*Người bào chữa của bị cáo Trần Văn V1:* Ông Nguyễn Ánh T1 và bà Nguyễn Thị H2 - Luật sư thuộc Văn phòng Luật sư N1 thuộc Đ Luật sư thành phố H3, có mặt;

- *Bị hại:* Anh Đỗ Xuân C, sinh năm 1987; Địa chỉ: Thôn A, xã M, huyện V, tỉnh Y; vắng mặt;

*Người đại diện theo ủy quyền của bị hại:* Chị Nguyễn Thị Hồng T2, sinh năm 1989; địa chỉ: Thôn A, xã M, huyện V, tỉnh Y, có mặt;

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị hại:* Ông Nguyễn Văn K và ông Nguyễn Đăng H4 - Luật sư Công ty luật TNHH A1 thuộc Đ luật sư thành phố H3; Có mặt.

## **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:*

Khoảng 18 giờ 30 phút ngày 11/3/2020, tại sân bóng chuyền của Ủy ban nhân dân xã (Viết tắt là UBND) xã M, Nguyễn Ngọc H5 và Trần Văn Đ xảy ra mâu thuẫn. H5 dùng tay đánh vào đầu của Đ, thấy vậy Trần Văn V1 là anh họ của Đ đã lao vào đánh H5. Đỗ Xuân C là em rể của H5 thấy vậy cũng lao vào đánh V1. Sau khi được can ngăn, tất cả cùng đi về.

Về đến nhà, V1 đứng ở sân gọi Trần Văn L là anh trai của V1 nhưng Lực không có nhà. Nghe thấy to tiếng, Trần Văn T, Nguyễn Thị N (Là anh trai và chị dâu của V1), Trần Văn Q là con của anh T; Nguyễn Thị H1 là vợ V1, Trần Văn L1 là cháu ruột của V1 chạy ra. V1 nói lại sự việc vừa bị C đánh ở sân bóng chuyền và chạy vào nhà lấy thanh kiếm dài 84,5cm cầm ra ngoài nhưng được mọi người can ngăn và giằng được thanh kiếm vút sang sân nhà anh Trần Văn L. V1 đến đóng cửa trước cổng lấy một đoạn gậy gỗ dài 116cm, đường kính 05cm rồi điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 21B1-872.79 nhãn hiệu

AIRBLADE chở H1 ngồi sau đi tìm C. Trần Văn T cũng lấy xe mô tô chở Trần Văn Q và Trần Văn L1 (L1 cầm theo một đoạn gỗ vát hai đầu dài 104cm, đường kính 3,9cm do trước đó L1 nhặt ở đồng cùi) đi theo V1. Đi đến UBND xã M, không thấy ai ở đó nên V1 cầm gậy đi bộ đến nhà C, còn T, H1, Q, L1 cũng đi theo V1. T thấy L1 cầm đoạn gỗ nên đã giằng lấy vút ra đường thì Q lại nhặt lại đoạn gậy để cầm theo. Trên đường đi V1 nhặt hai đoạn gậy bằng gỗ bóc rồi đưa cho L1. Thấy V1 đến nhà C thì Trần Văn Đ và Nguyễn Đình H5 đã can ngăn rồi chạy trước V1 đến nhà C trước bảo C đóng cửa lại. Đến khu vực đường trước nhà C thì T đến giằng gậy của Q rồi vút ra đường. V1 gọi C ra thì C và H5 đi xuống bếp lấy dao rồi cầm đi ra đứng ở phía trước cửa nhà. H5 cầm 01 con dao bài chuôi bằng gỗ dài 39cm; C mỗi tay cầm một con dao gồm 01 con dao bài chuôi bằng gỗ dài 37cm và 01 con dao dài 33cm nhưng được chị Phùng Thị Hoàng H6 và anh H5 can ngăn và giằng được toàn bộ 03 con dao rồi vút vào trong nhà. Thấy H5 và C cầm dao, Trần Văn Q đã đi xe mô tô của ông T về nhà lấy kiếm của V1 (bị H1 vút ra trước đó khi can ngăn V1) rồi quay lại nhà C dựng xe ở ven đường, cầm kiếm đứng ở giáp lan can suối.

Trong khi H5 cãi nhau với H1 trước nhà chị Bùi Thị D - là hàng xóm, giáp nhà C thì V1 dùng gậy đập một phát trúng vào vai trái của H5 rồi bỏ chạy. Lúc này, C đuổi theo và đâm với về phía V1. V1 quay lại dùng gậy đập một phát vào vùng đỉnh đầu của C rồi vút gậy ở đường và bỏ chạy. C chạy đuổi theo V1 đến nhà anh Trần Văn K thì bị khuy vào chân. Lúc này, Trần Văn Q từ bên ven đường đi sang chỗ C, tay phải cầm kiếm, tay trái rút kiếm ra khỏi bao kiếm, rồi vút vỏ bao kiếm xuống đường. Khi đến vị trí cách C khoảng 01m, Q đứng ở phía sau, tay phải cầm kiếm chém liên tiếp nhiều nhát trúng vào vùng lưng bên phải, vùng vai phải, vùng trán - thái dương - đỉnh phải và gò má phải của Cường rồi cầm kiếm chạy theo V1 đến trốn vào nhà anh Nguyễn Phú N là cậu ruột của Q. Tại đây, do lo sợ nên Q đã đưa thanh kiếm lúc trước đã chém C cho V1 cầm. Sau đó Q được Tự chở về nhà. V1 cầm thanh kiếm tự đi về nhà. Đến khoảng 21 giờ cùng ngày thì Công an xã M đến đưa Q về trụ sở làm việc. Sau khi bị V1 dùng gậy đập vào vai, H5 chạy về nhà cầm 01 đoạn tuýp sắt ra đập một phát vào đầu xe AIRBALADE của Trần Văn V1. Đỗ Xuân C sau khi bị thương đã được mọi người đưa đi cấp cứu tại các cơ sở y tế.

Tại Bản kết luận giám định pháp y về thương tích số: 53/TgT ngày 05/5/2020 của Trung tâm Pháp y tỉnh Y kết luận: Tỷ lệ tổn thương cơ thể của Đỗ Xuân C tại thời điểm giám định là 86% (Tám mươi sáu phần trăm).

Cơ chế hình thành thương tích:

- Sẹo vùng trán - thái dương - đỉnh phải + vỡ hộp sọ đỉnh phải là do vật sắc tác động một lực mạnh theo hướng trực diện gây nên.

- Sẹo vùng gò má phải là do vật sắc tác động một lực vừa đủ theo hướng từ trên xuống dưới gây nên.

- Sẹo vùng vai phải dưới chân tóc gáy bên phải là do vật sắc tác động một lực vừa đủ theo hướng từ trên xuống dưới theo trục cơ thể gây nên.

- Sẹo vùng lưng bên phải dưới xương bả vai là do vật sắc tác động một lực vừa phải có hướng từ trên xuống dưới, từ trái sang phải gây nên.

- Vùng đỉnh đầu hiện tại không còn dấu vết thương tích nên không xác định được cơ chế hình thành thương tích.

#### Về trách nhiệm dân sự:

Chị Nguyễn Thị Hồng T2 (là vợ của anh C) có đơn yêu cầu Trần Văn Q phải bồi thường thiệt hại và các khoản yêu cầu bồi thường khác gây ra đối với thương tích của anh C. Tổng số tiền yêu cầu là 11.901.142.065 đồng (*Mười một tỷ chín trăm linh một triệu một trăm bốn mươi hai nghìn không trăm sáu mươi lăm đồng*).

Trần Văn Q đã tác động gia đình bồi thường cho người bị hại số tiền 100.000.000 đồng (*Một trăm triệu đồng*). Chị Nguyễn Thị H1 (Vợ của Trần Văn V1) đã tự nguyện hỗ trợ chi phí điều trị cho bị hại số tiền 50.000.000 đồng (*Năm mươi triệu đồng*).

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 01/2021/HS-ST ngày 02 tháng 3 năm 2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Y đã tuyên bố bị cáo Trần Văn Q phạm tội “Giết người”; bị cáo Trần Văn V1 phạm tội “Gây rối trật tự công cộng”.

- Căn cứ điểm n khoản 1 Điều 123, các điểm b, s khoản 1 Điều 51, Điều 15, khoản 3 Điều 57, Điều 54, 91, 101, 102 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Trần Văn Q 06 (sáu) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ 12/3/2020.

- Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 318, các điểm s khoản 1 Điều 51 và khoản 2 Điều 51; khoản 1, khoản 2 và khoản 5 Điều 65 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Trần Văn V1 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 05 (năm) tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (02/3/2021).

#### Về trách nhiệm dân sự:

Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 46, Điều 48 của Bộ luật Hình sự; các Điều 584, 585, 590, và các Điều 357, 468, khoản 2 Điều 586 của Bộ luật Dân sự 2015:

Buộc bị cáo Trần Văn Q phải bồi thường thiệt hại về sức khỏe cho anh Đỗ Xuân C số tiền 313.444.000 đồng (Xác nhận anh Trần Văn T, chị Nguyễn Thị N và Trần Văn V1 và chị Nguyễn Thị H1 đã bồi thường tổng số tiền 150.000.000 đồng); bị cáo còn phải tiếp tục bồi thường cho anh Đỗ Xuân C số tiền 163.444.000 đồng (*Một trăm sáu mươi ba triệu bốn trăm bốn mươi tư nghìn đồng*).

Trường hợp bị cáo Trần Văn Q bồi thường bằng tài sản của mình không đủ thì bố mẹ bị cáo là ông Trần Văn T và bà Nguyễn Thị N phải bồi thường phần còn thiếu cho bị hại.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về xử lý vật chứng, án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 16 tháng 3 năm 2021, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Y có quyết định kháng nghị đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 01/2021/HS-ST ngày 02 tháng 3 năm 2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Y với nội dung tăng hình phạt đối với bị cáo Trần Văn V1 và không cho bị cáo hưởng án treo.

Ngày 10, 11 tháng 3 năm 2021, bị hại là anh Đỗ Xuân C và người đại diện theo ủy quyền của bị hại là chị Nguyễn Thị Hồng T2 có đơn kháng cáo với cùng nội dung đề nghị tăng mức hình phạt đối với bị cáo Trần Văn Q, truy tố bị cáo Trần Văn V1 tội danh Giết người và tăng mức bồi thường.

Ngày 12 tháng 3 năm 2021, bị cáo Trần Văn V1 có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt xuống còn 02 năm tù nhưng cho hưởng án treo.

Ngày 16 tháng 3 năm 2021, người đại diện hợp pháp của bị cáo Trần Văn Q là ông Trần Văn T có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo Trần Văn Q.

*Tại phiên tòa phúc thẩm:* Các bị cáo, người bị hại, người đại diện theo ủy quyền của người bị hại giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Các bị cáo thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội giữ nguyên nội dung kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Y. Đề nghị Hội đồng xét xử: Không chấp nhận kháng cáo của người bị hại, đại diện theo ủy quyền của người bị hại về phần hình phạt và trách nhiệm dân sự đối với bị cáo Trần Văn Q; Chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Y, tăng hình phạt và không cho bị cáo Trần Văn V1 được hưởng án treo.

Người bào chữa của bị cáo Trần Văn Q đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của ông Trần Văn T giảm hình phạt cho bị cáo Q xuống 05 năm tù.

Người bào chữa của bị cáo Trần Văn V1 có ý kiến thể hiện: Cơ quan tiến hành tố tụng đã không nhất quán trong quá trình tố tụng. Ban đầu không khởi tố bị cáo V1 nhưng sau đó lại đề nghị mức hình phạt cao tại phiên tòa sơ thẩm. Viện kiểm sát truy tố bị cáo Trần Văn V1 về tội: “Gây rối trật tự công cộng” là khiên cưỡng, hình sự hoá. Bị cáo đủ điều kiện được hưởng án treo. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 1 Điều 355, Điều 357 không chấp nhận kháng cáo của người bị hại, kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Y; chấp nhận kháng cáo của bị cáo Trần Văn V1, giảm hình phạt và cho bị cáo V1 được hưởng án treo.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người bị hại cho rằng bị cáo Q giết người vì động cơ đê hèn, có tính chất côn đồ và quyết tâm thực hiện hành vi phạm tội đến cùng. Do đó mức án 06 năm tù là quá nhẹ, đề nghị tăng hình phạt; Bị cáo Trần Văn V1 xúi giục, kích động người nhà, đưa gây cho L1 nên là chủ mưu trong vụ án. Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo về tội Gây rối trật tự công cộng là không đúng. Đề nghị hủy bản án sơ thẩm để truy tố, xét xử bị cáo về tội “Giết người”.

Các bị cáo nói lời sau cùng: Kính mong HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để bị cáo sớm được trở về xã hội, chăm sóc gia đình, làm lại cuộc đời.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:*

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng: Các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng tại cấp sơ thẩm đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Tại cấp sơ thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại gì. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về nội dung: Tại phiên tòa sơ thẩm cũng như tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo Trần Văn Q và Trần Văn V1 đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội. Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, lời khai của người làm chứng, kết luận giám định và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án. Đủ cơ sở kết luận: Khoảng 19 giờ, ngày 11/3/2020, tại thôn A, xã M, huyện V, tỉnh Y, Trần Văn Q đã dùng thanh kiếm dài 84,5cm chém liên tiếp vào vùng đầu, mặt và lưng của anh Đỗ Xuân C dẫn đến hậu quả làm anh Đỗ Xuân C bị tổn thương cơ thể 86% tại thời điểm giám định. Hành vi nêu trên của Trần Văn Q đã bị Tòa án nhân dân tỉnh Y xét xử về tội “Giết người” theo điểm n khoản 1 Điều 123 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ.

Đối với bị cáo Trần Văn V1 ngày 11/3/2020, đã có hành vi dùng gậy gỗ đánh vào đầu anh Đỗ Xuân C làm dập phần mềm vùng đỉnh đầu, tuy nhiên kết quả giám định không để lại tổn thương cơ thể cho Đỗ Xuân C. Quá trình điều tra đã xác định sau khi dùng gậy đánh C, V1 đã vứt gậy rồi bỏ chạy. Khi Quyết về nhà lấy kiếm và quay lại dùng kiếm chém Đỗ Xuân C, Quyết không bàn bạc gì với Trần Văn V1. Sau khi chém anh C xong Quyết mới chạy theo V1 và nói cho V1 biết việc mình vừa chém Cường. Trần Văn V1 và Trần Văn Q không bàn bạc với nhau về việc đánh anh Đỗ Xuân C. Việc tự ý lấy kiếm chém anh Đỗ Xuân C của Trần Văn Q là hành vi độc lập. Do vậy, Trần Văn V1 không đồng phạm với Trần Văn Q về tội “Giết người”. Người bị hại và người đại diện theo ủy quyền của bị hại kháng cáo cũng như ý kiến của người bảo vệ quyền lợi ích

hợp pháp của người bị hại cho rằng Trần Văn V1 là đồng phạm với Trần Văn Q về tội “Giết người” và yêu cầu hủy bản án sơ thẩm để khởi tố xét xử V1 về tội “Giết người” là không có căn cứ, nên không được chấp nhận.

Tuy nhiên, khởi nguồn dẫn đến việc xảy ra vụ án “Giết người” là do Trần Văn V1 đã cầm hung khí là chiếc gậy bằng gỗ đến chửi bới, đánh anh H5 và anh C tại tỉnh lộ 173 làm mất trật tự thôn, xã, dẫn đến việc Trần Văn Q chém anh Đỗ Xuân C gây tổn hại 86% sức khỏe. Hành vi của Trần Văn V1 đã gây ảnh hưởng xấu đến trật tự, an toàn xã hội ở địa phương. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo Trần Văn V1 về tội “Gây rối trật tự công cộng” theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 318 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ.

[3]. Xét kháng cáo đề nghị tăng mức hình phạt đối với bị cáo Trần Văn Q của người bị hại và người đại diện theo ủy quyền của người bị hại; kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của người đại diện hợp pháp của bị cáo Trần Văn Q, Hội đồng xét xử thấy :

Hành vi phạm tội của bị cáo Trần Văn Q là đặc biệt nghiêm trọng, đã trực tiếp xâm phạm đến sức khỏe, tính mạng của anh Đỗ Xuân C. Chỉ vì mâu thuẫn giữa Trần Văn V1 (chú ruột của bị cáo) và anh Đỗ Xuân C mà bị cáo đã dùng kiếm chém liên tiếp vào vùng đầu, mặt, lưng của anh Đỗ Xuân C. Bị cáo nhận thức được việc dùng kiếm chém vào vùng đầu, mặt, lưng là những vùng trọng yếu trên cơ thể con người có thể gây nguy hiểm đến tính mạng của anh C nhưng vẫn cố ý thực hiện hành vi. Việc anh C không chết là do được cứu chữa kịp thời, nhưng vẫn còn để lại di chứng nặng nề cho sức khỏe, hiện tại sức khỏe của anh C vẫn chưa được phục hồi, còn phải tiếp tục điều trị. Hành vi của bị cáo thể hiện tính chất côn đồ, coi thường sức khỏe, tính mạng của người khác, coi thường pháp luật, làm mất trật tự trị an xã hội, gây tâm lý hoang mang lo sợ đối với quần chúng nhân dân nơi xảy ra sự việc.

Khi quyết định hình phạt, Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét: Tính đến ngày phạm tội, bị cáo Trần Văn Q là người dưới 18 tuổi (16 tuổi 01 tháng 19 ngày) để cân nhắc áp dụng mức hình phạt tù phù hợp nhằm giáo dục, giúp đỡ bị cáo sửa chữa sai lầm, phát triển lành mạnh trở thành công dân có ích cho xã hội, thể hiện chính sách pháp luật của Nhà nước đối với người chưa thành niên phạm tội. Nhân thân bị cáo chưa có tiền án, tiền sự; quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa sơ thẩm thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; Đã tác động để gia đình bồi thường một phần thiệt hại cho người bị hại để áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm b, s khoản 1 Điều 51, Điều 91, Điều 101 của Bộ luật Hình sự. Ngoài ra bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự; thực hiện hành vi phạm tội nhưng hậu quả chết người chưa xảy ra nên thuộc trường hợp phạm tội chưa đạt để áp dụng quy định tại Điều 15, khoản 3 Điều 57, Điều 102 của Bộ luật Hình sự quyết định xử phạt bị cáo 06 (sáu) năm tù dưới mức thấp nhất của khung hình phạt cũng đủ tác dụng cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành công dân có ích cho xã hội phù hợp với nguyên tắc xử

lý đối với người dưới 18 tuổi phạm tội.

[4]. Xét kháng nghị đề nghị tăng mức hình phạt và không cho bị cáo Trần Văn V1 được hưởng án treo của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Y, kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Trần Văn V1, Hội đồng xét xử, thấy : Trong vụ án này Trần Văn V1 không bàn bạc với bị cáo Q về việc đánh anh C, không kích động, cổ vũ Quyết trước và trong khi Quyết thực hiện hành vi phạm tội. Tuy nhiên khởi nguồn dẫn đến xảy ra vụ án một phần do cách hành xử chưa đúng mực của anh Nguyễn Ngọc H5 và người bị hại Đỗ Xuân C, anh C đã đánh V1 tại sân bóng chuyền của Ủy ban nhân dân xã M vào khoảng 18h30 phút ngày 11/3/2020, do đó anh H5 và anh C đã bị Công an tỉnh Y xử phạt hành chính về hành vi đánh nhau. Bị cáo bị đánh đau dẫn đến bức xúc tìm đến nhà hai anh để nói chuyện. Mặc dù được gia đình và một số người dân báo trước và khóa cổng để ngăn cản nhưng anh H5, anh C vẫn chủ động cầm theo dao, anh C cầm 2 con dao đi theo lối cổng hậu ra để nói chuyện với V1 dẫn đến bị cáo Q hiểu lầm sợ anh H5, anh C chém người trong gia đình đã về lấy dao rồi gây thương tích cho anh C.

Về các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo Trần Văn V1 là người có nhân thân tốt, trước khi phạm tội không vi phạm pháp luật của Nhà nước và các quy định của địa phương; bản thân chưa có tiền án, tiền sự; quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; do bị cáo Q gây ra hậu quả quá lớn cho bị hại, nguyên nhân dẫn đến vụ án “Giết người” cũng có một phần lỗi của bị cáo nên bị cáo đã tự nguyện hỗ trợ chi phí, khắc phục một phần thiệt hại cho người bị hại nên được hưởng tình các tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm s khoản 1 Điều 51 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Xét bị cáo Trần Văn V1 có nhân thân tốt, lần đầu phạm tội, bị cáo có nơi cư trú rõ ràng, được hưởng nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 của Điều 51 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, đủ điều kiện được hưởng án treo. Tuy nhiên Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo 02 năm 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo là có phần nương nhẹ. Do đó có cơ sở chấp nhận một phần kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Y, tăng hình phạt nhưng cho bị cáo được hưởng án treo là phù hợp, tạo điều kiện cho bị cáo cải tạo, giáo dục để trở thành công dân tốt, có ích cho xã hội.

[5]. Xét kháng cáo của người bị hại cũng như người đại diện theo ủy quyền của người bị hại về phần trách nhiệm dân sự:

Quá trình giải quyết tại Tòa án cấp sơ thẩm, đại diện theo ủy quyền của người bị hại yêu cầu bị cáo phải bồi thường thiệt hại do sức khỏe bị xâm phạm gồm các khoản: Tiền thuốc, chi phí cứu chữa, điều trị, đi lại, bồi thường tiền thu nhập bị mất của người bị hại, người chăm sóc, tiền phục hồi sức khỏe, chức năng bị giảm sút, tổn thất tinh thần cho anh Đỗ Xuân C và các khoản tiền khác



với tổng số tiền là 11.901.142.065 đồng (*Mười một tỷ chín trăm linh một triệu một trăm bốn mươi hai nghìn không trăm sáu mươi lăm đồng*).

Trên cơ sở yêu cầu bồi thường thiệt hại của chị Nguyễn Thị Hồng T2 cùng các hóa đơn, chứng từ do phía người bị hại xuất trình, Tòa án cấp sơ thẩm đã buộc bị cáo và người đại diện của bị cáo phải bồi thường cho bị hại các khoản bao gồm:

- Chi phí chữa bệnh, viện phí, đi lại của bị hại từ ngày 11/3/2020 đến ngày 07/12/2020 là: 97.512.648 đồng;

- Thu nhập bị giảm sút của bị hại (từ ngày 01/6/2020 đến ngày xét xử sơ thẩm 02/3/2021) thời gian là 09 tháng 01 ngày x mức lương hiện tại được hưởng:

9.477.890 đồng/tháng x 09 tháng 01 ngày = 85.731.823 đồng;

- Tiền công cho 02 người chăm sóc (thời gian bị hại bị thương tích nặng từ ngày 11/3/2020 đến ngày 04/5/2020) là 52 ngày:

200.000 đồng/người/ngày x 2 người x 52 ngày = 20.800.000 đồng;

- Tiền công cho 01 người chăm sóc (từ ngày 05/5/2020 đến ngày xét xử sơ thẩm 02/3/2021) là 9 tháng 27 ngày: 200.000 đồng/người/ngày x 9 tháng 27 ngày = 59.400.000 đồng là phù hợp.

Ngoài ra, anh C bị thương tích rất nặng, thời gian điều trị dài ngày cần phải bồi dưỡng, phục hồi sức khỏe, do đó có cơ sở chấp nhận một phần kháng cáo của người bị hại cần thiết nâng mức bồi thường tiền bồi dưỡng phục hồi sức khỏe, buộc bị cáo phải bồi thường cho bị hại 30.000.0000 đồng;

- Tiền bù đắp, tổn thất về tinh thần bằng 30 tháng lương cơ sở x 1.490.000 đồng = 44.700.000đồng.

\* Tổng số tiền yêu cầu bồi thường được chấp nhận đến thời điểm xét xử sơ thẩm ngày 02/3/2021 là: 338.143.871 đồng (*Làm tròn là 338.143.000 đồng*);

Ngoài ra, trong quá trình phục hồi sức khỏe đối với các khoản tiền chi phí phục hồi chức năng sau 4 năm, các chi phí khám chữa bệnh, đi lại phát sinh tiếp theo, thu nhập bị giảm sút của bị hại sau ngày xét xử sơ thẩm 02/3/2020 sẽ được giải quyết bằng vụ án dân sự khác khi bị hại (người đại diện của bị hại) có đơn yêu cầu kèm theo tài liệu, chứng cứ chứng minh.

Quá trình giải quyết vụ án, bị cáo Q đã tác động gia đình bồi thường cho người bị hại Đỗ Xuân C số tiền 100.000.000 đồng. Bị cáo Trần Văn V1 và chị Nguyễn Thị H1 (vợ của V1) đã tự nguyện hỗ trợ chi phí điều trị cho bị hại số tiền 50.000.000 đồng cần được trừ vào số tiền bị cáo phải bồi thường. Do vậy, cần buộc bị cáo Trần Văn Q phải tiếp tục bồi thường cho bị hại số tiền: 338.143.000 đồng - 150.000.000 đồng = 188.143.000 đồng.

Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của người bị hại đề nghị bị cáo phải bồi thường số tiền 452.471.347 đồng nhưng không xuất trình được tài

liệu chứng cứ chứng minh; yêu cầu các bị cáo phải cấp dưỡng cho 2 con của anh C với mức 3.000.000đồng/tháng là không phù hợp với quy định của Bộ luật Dân sự, do đó không có cơ sở chấp nhận.

[6] Về án phí: Do kháng cáo không được chấp nhận nên bị cáo Trần Văn V1 và người đại diện hợp pháp của bị cáo Trần Văn Q là ông Trần Văn T phải chịu án phí hình sự phúc thẩm;

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

*Vì các lẽ trên;*

Căn cứ khoản 2 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Chấp nhận một phần kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Y; Chấp nhận một phần kháng cáo của người bị hại và đại diện theo ủy quyền của người bị hại; Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Văn V1, người đại diện hợp pháp của bị cáo Nguyễn Văn Quyết. Sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 30/2021/HS-ST ngày 09 tháng 9 năm 2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Y.

Áp dụng điểm n khoản 1 Điều 123, các điểm b, s khoản 1 Điều 51, Điều 15, khoản 3 Điều 57, Điều 54, 91, 101, 102 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Trần Văn Q 06 (Sáu) năm tù về tội “Giết người”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ 12/3/2020.

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1, 2, 5 Điều 65 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Trần Văn V1 03 (Ba) năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 05 (Năm) tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (02/3/2021) về tội “Gây rối trật tự công cộng”.

Giao bị cáo Trần Văn V1 cho Ủy ban nhân dân xã M, huyện V, tỉnh Y giám sát, giáo dục. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Nếu bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự năm 2019; Người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 46, Điều 48 của Bộ luật Hình sự; các Điều 584, 585, 590, và các Điều 357, 468, khoản 2 Điều 586 của Bộ luật Dân sự năm 2015:

Buộc bị cáo Trần Văn Q phải bồi thường thiệt hại về sức khỏe cho anh Đỗ Xuân C số tiền 338.143.000 đồng (Xác nhận anh Trần Văn T, chị Nguyễn Thị N và Trần Văn V1, chị Nguyễn Thị H1 đã bồi thường tổng số tiền 150.000.000 đồng); bị cáo còn phải tiếp tục bồi thường cho anh Đỗ Xuân C số tiền 188.143.000 đồng (*Một trăm tám mươi tám triệu, một trăm bốn mươi ba nghìn đồng*).

Trường hợp bị cáo Trần Văn Q không có tài sản hoặc bồi thường bằng tài sản của mình không đủ thì bố mẹ bị cáo là ông Trần Văn T và bà Nguyễn Thị N phải bồi thường phần còn thiếu cho người bị hại.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án, người phải thi hành án không T nguyện thi hành xong số tiền phải thi hành, hàng tháng phải chịu lãi suất chậm thi hành theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

2. Về án phí phúc thẩm: Bị cáo Trần Văn V1 và người đại diện hợp pháp của bị cáo Trần Văn Q là ông Trần Văn T mỗi người phải chịu 200.000đồng án phí hình sự phúc thẩm.

Án phí sơ thẩm: Bị cáo Trần Văn Q phải chịu 9.407.150 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

**Nơi nhận:**

- VKSNDCC tại Hà Nội;
- TAND tỉnh Y;
- VKSND tỉnh Y;
- Cục THADS tỉnh Y;
- Trại tạm giam - Công an tỉnh Y;
- UBND xã M, h. V, Y;
- Bị cáo (qua Trại tạm giam, đ/c);
- Các đương sự (qua đ/c);
- Lưu HS; HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(đã ký)**

**Vũ Thị Thu Hà**